

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 29/4/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài

sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Cảnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Tám.**

2. Ông **Huỳnh Ngọc Trứ.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: (không có)

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2021/TLST- DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị N**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N xin vắng mặt; anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Võ Thị N trình bày:

Do chỗ quen biết, chị có cho anh Nguyễn Thanh Đ mượn tiền nhiều lần như sau:

- Ngày 1/12/2017 (âm lịch), chị có cho anh Nguyễn Thanh Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Ngày 3/9/2018 (âm lịch), chị có cho anh Nguyễn Thanh Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Ngày 28/10/2018 (âm lịch), chị có cho anh Nguyễn Thanh Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)
- Ngày 13/11/2018 (âm lịch), chị có cho anh Nguyễn Thanh Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)
- Ngày 6/12/2018 (âm lịch), chị có cho anh Nguyễn Thanh Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

Các lần mượn tiền thì anh Nguyễn Thanh Đ đều có làm biên nhận cho chị, khi mượn tiền anh Đ hứa trong vòng 30 ngày sẽ trả lại cho chị. Nhưng sau đó anh Đ không thực hiện theo thỏa thuận nên chị có làm đơn yêu cầu Công an xã N, thị xã Cai Lậy giải quyết. Ngày 29/6/2020 Công an xã N, thị xã Cai Lậy có mời chị và anh Nguyễn Thanh Đ đến giải quyết, tại Công an xã N, thị xã Cai Lậy thì anh Đ thừa nhận có mượn chị số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng, anh Đ cam kết từ ngày 10/6/2020 (âm lịch) đến ngày 10/6/2021 (âm lịch) mỗi tháng sẽ trả cho chị số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền mượn.

Tuy N, sau đó anh Đ chỉ trả cho chị được số tiền 1.000.000 đồng, sau đó không trả nữa. Như vậy, anh Nguyễn Thanh Đ còn nợ chị số tiền 49.000.000 đồng. Việc anh Nguyễn Thanh Đ mượn tiền của chị không trả đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Nay chị yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Thanh Đ trả cho chị tổng số tiền mượn là 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng) và trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hương mặc dù Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị N có đơn xin vắng mặt; anh Nguyễn Thanh Đ vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 01/4/2022 nguyên đơn là chị Võ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, chị N đã nộp các chứng cứ đầy đủ, có lời khai cụ thể, rõ ràng, việc chị N vắng mặt không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên chị N xin xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo qui định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Thanh Đ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên vào ngày 1/12/2017 (âm lịch) chị N cho anh Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng, không có lãi, thời hạn trả tiền mượn là trong vòng 30 ngày thì anh Đ sẽ trả lại cho chị N; Đến ngày 3/9/2018 (âm lịch) chị N tiếp tục có cho anh Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng, không có lãi, thời hạn trả tiền mượn là trong vòng 30 ngày thì

anh Đ sẽ trả lại cho chị N; Đến ngày 28/10/2018 (âm lịch) chị N tiếp tục cho anh Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng, không có lãi, thời hạn trả tiền mượn là trong vòng 30 ngày thì anh Đ sẽ trả lại cho chị N; Đến ngày 13/11/2018 (âm lịch) chị N tiếp tục cho anh Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng, không có lãi, thời hạn trả tiền mượn là trong vòng 30 ngày thì anh Đ sẽ trả lại cho chị N; Đến ngày 6/12/2018 (âm lịch) chị N tiếp tục cho anh Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng, không có lãi, thời hạn trả tiền mượn là trong vòng 30 ngày thì anh Đ sẽ trả lại cho chị N. Tổng cộng năm lần mượn tiền thì anh Đ nợ chị N số tiền là 50.000.000 đồng. Tới ngày 29/6/2020, chị N có làm đơn gửi đến Công an xã N, thị xã Cai Lậy để nhờ giải quyết, tại Công an N, thị xã Cai Lậy thì anh Đ cũng thừa nhận có nợ chị N số tiền là 50.000.000 đồng và anh Đ cam kết từ ngày 10/6/2020 (âm lịch) đến ngày 10/6/2021 (âm lịch) mỗi tháng sẽ trả cho chị N số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Nhưng sau đó, anh Đ chỉ trả được cho chị N số tiền 1.000.000 đồng, sau đó không trả nữa, số tiền anh Đ còn nợ chị N là 49.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là giấy biên nhận ngày 1/12/2017, biên nhận ngày 3/9/2018, biên nhận ngày 28/10/2018, biên nhận ngày 13/11/2018, biên nhận ngày 6/12/2018 có chữ ký của anh Đ và biên bản hòa giải của Công an xã N, thị xã Cai Lậy ngày 29/6/2020. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý kèm theo các chứng cứ tài liệu nêu trên gửi cho anh Nguyễn Thanh Đ nhưng anh Đ cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ mà chị N đưa ra và Tòa án đã tổng đạt thông báo phiên hòa giải cho anh Đ nhưng phía anh Đ không có ý kiến gì phản hồi. Do đó, xác định giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Thanh Đ đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo qui định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 49.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ: căn cứ vào các giấy biên nhận bản chính do chị N cung cấp với nội dung: Biên nhận ngày 1/12/2017 (âm lịch) “Tôi tên Võ Thị N, hôm nay ngày 1-12-2017 (al) tôi có cho anh Đ mượn số tiền là 10.000.000 đồng, thời gian 30 ngày trả đủ”; Biên nhận ngày 03/9/2018 (âm lịch) “Tôi tên Võ Thị N, hôm nay ngày 3-9-2018 (al) tôi có cho anh Đ mượn số tiền là 10.000.000 đồng, thời gian 30 ngày trả đủ”; Biên nhận ngày 28/10/2018 (âm lịch) “Tôi tên Võ Thị N, hôm nay ngày 28-10-2018 (al) tôi có cho anh Đ mượn số tiền là 10.000.000 đồng, thời gian 30 ngày trả đủ”; Biên nhận ngày 13/11/2018 (âm lịch) “Tôi tên Võ Thị N, hôm nay ngày 13-11-2018 (al) tôi có cho anh Đ mượn số tiền là 10.000.000 đồng, thời gian 30 ngày trả đủ”; Biên nhận ngày 6/12/2018 (âm lịch) “Tôi tên Võ Thị N, hôm nay ngày 6-12-2018 (al) tôi có cho anh Đ mượn số tiền là 10.000.000 đồng, thời gian 30 ngày trả đủ”, sau khi viết giấy biên nhận nợ xong thì chị N đã giao đủ tiền cho anh Đ. Nhưng khi đã quá thời hạn trả nợ thì chị N cần lấy lại tiền và yêu cầu anh Đ trả lại tiền nhiều lần nhưng anh Đ cố tình tránh né không trả cho đến nay. Việc anh Đ không trả tiền cho chị N gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị N nên chị N yêu cầu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 92, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N.

Buộc anh Nguyễn Thanh Đ trả cho chị Võ Thị N số tiền vay là 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng) thời hạn trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Hoàn lại cho chị Võ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.225.000 đồng theo biên lai thu số 0002104 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

Anh Nguyễn Thanh Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.450.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Cảnh